

ĐỘNG LỰC HỌC TẬP XÃ HỘI CHUYỂN ĐỔI CỦA NÔNG HỘ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TẠI PHÁ TAM GIANG, TỈNH THỪA THIÊN - HUẾ

Lê Thị Hồng Phương^{1,*}

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm khám phá các động lực quan trọng của học tập xã hội chuyển đổi ở phá Tam Giang có thể thúc đẩy và củng cố các quy trình và thực hành chuyển đổi nông nghiệp bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu đã thực hiện phỏng vấn sâu (n = 6), thảo luận nhóm tập trung (n=2) và phỏng vấn bán cấu trúc nông hộ nuôi trồng thủy sản (n = 88) tại huyện Quảng Điền. Kết quả nghiên cứu cho thấy, quá trình phát triển của mô hình nuôi trồng thủy sản xen ghép đã tăng lên cả về số nông hộ, diện tích nuôi và đa dạng loài thủy sản. Nông hộ cho biết các tác động của biến đổi khí hậu ngày càng tăng do lũ lụt, ô nhiễm nước và bão. Quá trình học tập xã hội chuyển đổi trải qua 3 giai đoạn và có 7 động lực thực tế quan trọng đã tác động đến quá trình học tập xã hội chuyển đổi của nông hộ nuôi trồng thủy sản nhằm phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu này đóng góp những hiểu biết sâu sắc của các nhà nghiên cứu và phát triển nông thôn trong việc xác định các động lực thực sự của học tập xã hội chuyển đổi và kinh nghiệm của nông hộ để đối phó với những thay đổi của biến đổi khí hậu và thị trường trong bối cảnh phát triển bền vững.

Từ khóa: *Học tập xã hội chuyển đổi, thích ứng với biến đổi khí hậu, bền vững, mô hình nuôi trồng thủy sản xen ghép.*

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hệ đầm phá Tam Giang có vai trò rất quan trọng đối với đời sống và sinh kế của người dân phụ thuộc vào nuôi trồng và khai thác thủy sản ở tỉnh Thừa Thiên - Huế [3]. Dưới tác động của biến đổi khí hậu (BĐKH) đặc biệt là mực nước biển dâng và sự gia tăng về lượng mưa, nhiệt độ trung bình, số lượng các hiện tượng thời tiết cực đoan và xâm nhập mặn, phá Tam Giang ngày càng dễ bị tổn thương hơn do ảnh hưởng của các hiện tượng khí hậu cực đoan. Hơn nữa, việc sử dụng quá nhiều thuốc bảo vệ thực vật, phân bón hóa học cũng như lãng phí nguồn nước trong sản xuất đã dẫn đến sự thiếu bền vững trong sản xuất nông nghiệp nói chung và hoạt động nuôi trồng thủy sản (NTTS) nói riêng ở phá Tam Giang [1], [4]. Trong bối cảnh đó, người dân địa phương rất quan tâm đến việc chuyển đổi nông nghiệp theo hướng bền vững để thích ứng với BĐKH và thực sự mong muốn có cơ hội tiếp cận các hình thức học tập xã hội khác nhau để phát triển năng lực và vượt qua thách thức lớn của BĐKH để hướng tới phát triển bền vững. Mối quan tâm lớn của nông hộ địa phương

về những thay đổi môi trường và nhu cầu cùng nhau học hỏi để có được kiến thức kỹ thuật, kiến thức thực tế và kiến thức xã hội nhằm chuyển đổi từ các mô hình nông nghiệp không bền vững sang các mô hình sinh kế bền vững thích ứng với BĐKH [2], [6]. Do đó, nhu cầu học tập xã hội chuyển đổi (T-learning) và chia sẻ kiến thức giữa các bên liên quan ngày càng được công nhận ở phá Tam Giang và T-learning dường như trở thành một trong những phương thức học tập quan trọng nhất để thúc đẩy quá trình chuyển đổi trong sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững ở phá Tam Giang.

T-learning được hiểu là cách xác định đơn giản việc học tập xã hội với định hướng phản biện xã hội và chất lọc các yếu tố chính của việc học tập xã hội đối với thay đổi của cá nhân hay một nhóm cộng đồng [8]. Thích ứng với quá trình T-learning trong bối cảnh BĐKH, nghiên cứu này hiểu việc T-learning là những khám phá liên quan đến quá trình thay đổi nhận thức xã hội, tâm lý xã hội và hành động của cá nhân hay nhóm cộng đồng [5]. Vì vậy, T-learning bao gồm ba hình thức học, bao gồm học qua công cụ, học tập giao tiếp và học tập giải phóng [7]. Những hình thức học tập này đã góp phần tích cực vào việc chuyển đổi quan điểm, thói quen tư duy, giá trị và lối

¹ Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

*Email: lethihongphuong@huaf.edu.vn

sống của nông hộ theo hướng bền vững. Tuy nhiên, các nghiên cứu về động lực của T-learning của nông hộ chưa đi sâu tìm hiểu trong các nghiên cứu trước đây. Do đó, nghiên cứu *“Động lực học tập xã hội chuyển đổi của nông hộ nuôi trồng thủy sản thích ứng với biến đổi khí hậu tại phá Tam Giang, tỉnh Thừa Thiên - Huế”* là rất cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Lựa chọn địa bàn nghiên cứu

Huyện Quảng Điền được lựa chọn là địa bàn nghiên cứu với các lý do sau: Thứ nhất, Quảng Điền trải dài dọc đầm phá Tam Giang và là một huyện trung thấp, có nghĩa là nó chứa nhiều đặc điểm chính của vùng ven biển. Thứ hai, đời sống của người dân ở các xã tại huyện Quảng Điền vẫn phụ thuộc nhiều vào tài nguyên thiên nhiên của đầm phá đặc biệt là đánh bắt và NTTS. Thứ ba, huyện Quảng Điền là một trong những huyện có diện tích nuôi kết hợp nhiều nhất ở phá Tam Giang.

Quảng Điền là một trong những huyện ven đầm phá của tỉnh Thừa Thiên - Huế. Toàn huyện có tổng diện tự nhiên là 16.305,5 ha, hình thành 3 vùng: Vùng đất thịt ruộng lúa phì nhiêu của lưu vực sông Bồ, vùng đất cát khô cằn và vùng ven biển, đầm phá, nguồn thủy hải sản phong phú. Thu nhập của người dân ở đây chủ yếu là từ sản xuất nông nghiệp. NTTS luôn là một trong những hoạt động sinh kế mang lại nguồn thu nhập lớn đối với người dân địa phương. Tuy nhiên, tình hình NTTS trở nên không thuận lợi từ những năm 2009. Các mô hình nuôi chuyên canh tôm sú hiệu quả bấp bênh được chuyển sang nuôi xen ghép tôm-cua-cá và đang ngày một mang lại hiệu quả kinh tế bền vững cho người dân nơi đây đặc biệt là nông hộ sống ven đầm phá. Xã Quảng Phước thuộc huyện Quảng Điền là một trong những xã có diện tích và tỷ lệ nông hộ chuyển đổi từ mô hình NTTS thâm canh sang mô hình NTTS xen ghép (NTTSXG) cao trong huyện. Vì vậy nghiên cứu này tập trung chủ yếu các nông hộ tại xã Quảng Phước.

2.2. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

Các phương pháp thu thập số liệu: phỏng vấn nông hộ (n=88 nông hộ), phỏng vấn sâu (n=6), thảo luận nhóm (n=2 nhóm với 7 đại diện nông hộ/1 nhóm).

Nội dung thu thập thông tin: (i) Thực trạng và sự hình thành, phát triển của mô hình NTTSXG tại đầm phá Tam Giang; (ii) Tìm hiểu các ảnh hưởng và động

lực của T-learning đến phát triển sinh kế bền vững theo hướng thích ứng với BĐKH của nông hộ NTTSXG; (iii) Các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả T-learning.

Phương pháp xử lý số liệu: số liệu theo phương pháp thống kê mô tả và tổ hợp nhóm định tính theo các thang điểm khác nhau. Với 5 mức đo lường là (1) không có tác động; (2) tác động ở mức trung bình; (3) tác động ở mức khá; (4) tác động ở mức cao; (5) tác động ở mức rất cao. Thang đo Likert được sử dụng để đánh giá các yếu tố và mức độ ảnh hưởng tích cực đến học tập chuyển đổi của nông hộ quyết định chuyển đổi sang hình thức NTTSXG.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thông tin chung của nông hộ phỏng vấn

Nghiên cứu tiến hành phỏng vấn 88 nông hộ NTTSXG trên địa bàn nghiên cứu. Thông tin chung của nông hộ phỏng vấn tập trung vào tuổi chủ hộ, lao động và thu nhập của nông hộ. Tuổi trung bình của các chủ hộ khảo sát là 51,0 tuổi ($\pm 6,5$). Lao động của các nông hộ khảo sát tại Quảng Phước khá cao, trung bình mỗi nông hộ có 5,9 ($\pm 1,3$) thành viên, trong đó trung bình lao động là 3,1 ($\pm 1,4$). Đây cũng là một yếu tố thuận lợi để phát triển các sinh kế mới trong nông hộ. Thu nhập bình quân của nông hộ khảo sát là 96,9 ($\pm 32,7$)/hộ/năm.

3.2. Thực trạng phát triển của hoạt động NTTSXG

Trong 10 năm gần đây (năm 2011 đến năm 2021), hoạt động NTTS đã có những bước khởi sắc rõ rệt, đặc biệt khi người dân thực hiện sự chỉ đạo của xã về chuyển đổi cơ cấu đối tượng nuôi, mô hình nuôi, nhất là mô hình NTTSXG. Hiện nay, đa số nông hộ (chiếm 97%) thực hiện chủ trương đa dạng hóa đối tượng nuôi trên một đơn vị diện tích như tôm sú, cá, cua (riêng đối tượng nuôi cua có thể gối vụ 1 năm/2 đợt). Do yêu cầu của thị trường và nhiều nghiên cứu về đối tượng nuôi thành công, bà con đã chủ động nguồn giống cua bột và cá đối mục trong từng vụ nuôi.

Thực trạng phát triển hoạt động nuôi xen ghép tại xã Quảng Phước từ năm 2018 đến năm 2021 được thể hiện ở bảng 1. Kết quả tổng hợp và phân tích các báo cáo kinh tế - xã hội của xã Quảng Phước chỉ ra rằng, tổng diện tích nuôi xen ghép sản năm 2019 giảm so với năm 2018 và giữ nguyên cho những năm sau. Mặc dù diện tích nuôi xen ghép giảm, nhưng chỉ